

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ SỰ BIỂU HIỆN CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN TRONG THỜI ĐẠI PHỤC HƯNG Ở CHÂU ÂU (THẾ KỶ XIV - XVI) Ở CHÂU ÂU

HÔNG VĂN

Tóm tắt

Chủ nghĩa nhân văn (CNNV) là trào lưu tư tưởng và văn hoá thời Phục hưng (thế kỷ XIV - XVI) ở châu Âu. Đây là phong trào chống những mặt tiêu cực của Thiên Chúa giáo lúc bấy giờ nhằm đề cao con người, giải phóng cá nhân khỏi sự đè nén tinh thần của chế độ phong kiến, hướng con người vào xây dựng cuộc sống thực tại. Trong phần 1, bài viết trình bày những vấn đề cơ bản của CNNV như: khái niệm, lịch sử ra đời, tư tưởng cơ bản, mối liên hệ với các khái niệm lân cận và bốn đặc trưng làm nên bản chất của CNNV Phục hưng. Ở phần 2, bài viết phân tích những biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn Phục hưng thông qua sự hình thành, phát triển văn minh công nghiệp và tâm thế con người châu Âu thời Phục hưng. Chúng tôi trích dẫn những tác gia, công trình điển hình của châu Âu thời cổ - trung - cận đại với vai trò là những đại diện làm nổi bật tính ưu việt của CNNV.

1. Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa nhân văn Phục hưng

1.1. Khái niệm Chủ nghĩa nhân văn

Chủ nghĩa nhân văn là trào lưu tư tưởng và văn hoá thời Phục hưng ở châu Âu. Đây là một phong trào chống Thiên chúa giáo nhằm đề cao con người, giải phóng cá nhân khỏi sự đè nén tinh thần của chế độ phong kiến, chống chủ nghĩa kinh viện và giáo hội, hướng con người vào xây dựng cuộc sống thực tại.

Lịch sử ra đời của chủ nghĩa nhân văn được xác lập từ khi xuất hiện phong trào Phục hưng. Với lý do khôi phục lại nền văn hoá cổ đại, các nhà nhân văn đã khởi xướng phong trào **Renaissance** (Phục hưng) khôi phục các giá trị văn hóa cổ đại - những gì mà Chúa đã cho phép - nên giáo hội không có cách gì ngăn cản

Chủ nghĩa nhân văn khởi phát ở Ý và được thực hiện bởi những nhà tư tưởng, những cá nhân ưu tú, uyên bác, giàu tinh thần cách mạng và can đảm. Hơn nữa, họ còn có quyết tâm mạnh mẽ để thực hiện lý tưởng nhân văn ấy. "Tinh thần nhân văn trước hết là một tinh thần tranh đấu. Tranh đấu cho giai tầng tư sản các thành thị chống phong kiến. Tranh đấu cho dân tộc Ý chống lại cuộc xâm lăng của những dị tộc" (1, tr.23).

Với tinh thần đấu tranh chống lại sự cai trị hà khắc của chế độ phong kiến, chủ nghĩa nhân văn trở thành một trào lưu tư tưởng hiện thực với sức mạnh to lớn và có ý nghĩa sâu sắc. Những người thực hiện, đem lại sức sống cho chủ nghĩa ấy đã được tôn vinh và ghi nhận trong lịch sử: "Các nhà nhân văn chủ nghĩa đều là những nhà văn uyên bác, họ đọc Platon, Aristote, Epicure, Zénon... họ đã dẫn giải Homère, Sophocle, Horace, Cicéron, Virgile, đã hiểu thấu tư tưởng và nghệ thuật thời kỳ Péricles cũng như dưới triều đại Auguste (...) Cổ học Hi Lạp, dưới ánh sáng của tinh thần mới đã tươi sáng thêm và có một khí sắc mới. Học cổ không phải là cứu cánh mà chỉ là một phương tiện để chống phong kiến, chống dị tộc để xây dựng văn hóa mới. *Tinh thần nhân văn là tinh thần để xây dựng văn hoá mới. Tinh thần nhân văn là tinh thần tranh đấu cho một tư tưởng, một chế độ tiến bộ hơn, một đời sống lành mạnh, đầy đủ, công bằng hơn đời sống phong kiến*"(1, tr.27).

Ban đầu, tư tưởng nhân văn xuất hiện trong lòng người, mang âm hưởng thời đại, được quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng, mang tính tự nguyện, tự phát. Các tư tưởng này hướng về cái mới, chống lại sự thủ cựu của những kẻ bóc lột, chống lại sự xuống cấp đạo đức trong xã hội và của cả tầng lớp tăng lữ.

Dần dần, những tư tưởng tiến bộ này đã được các nhà triết học, các nhà văn, các nghệ sĩ có tên tuổi tán thành. Họ nhiệt tình đem kiến thức sâu rộng của bản thân để hoàn thiện, nâng cao những tư tưởng ấy thành chủ nghĩa nhân văn. Đó là những người như: Dante, Petrarca, Boccaccio, Alberti, Leonar de Vinci, Eraxmer, Bruno, Rabelais, Montaigne, Copernic, F.Becon và nhà soạn kịch vĩ đại của thế giới - William Sheakerspear.

Chủ nghĩa nhân văn Phục hưng đã được hoàn thiện trong các tác phẩm của Voltaire, D.Diderot, J.J.Rousseau ở nước Pháp thời Khai sáng - thế kỷ XVIII.

Tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa nhân văn Phục hưng được kết tinh trong khẩu hiệu "*Tự do - Bình đẳng - Bác ái*", từ hành vi muốn lật nhào chế độ phong kiến, đem Louis XVI ra chém đầu trước quảng trường Louvere, lập nên nước Cộng hòa ở Pháp.

1.2. Mối liên hệ giữa khái niệm nhân văn với các khái niệm: nhân đạo, nhân bản

Chúng ta thấy rằng, khái niệm nhân văn nghiêng về tư tưởng coi con người là một chủ thể văn hoá; yêu cầu đối xử với con người trên bình diện văn hoá: coi trọng con người, coi trọng tự do và vai trò cá nhân của con người trong xã hội.

Phương Tây thường đồng nhất khái niệm nhân văn với nhân đạo. Thuật ngữ Humanism (Anh), Humanisme (Pháp) và Gumanizm (Nga) có nghĩa chung là nhân văn = nhân đạo.

Khái niệm nhân văn được phương Đông dùng có nội dung là văn hoá, giáo hoá. "Sách Kinh Dịch có viết: "Quan hồ nhân văn dĩ hoá thành thiên hạ", nghĩa là: xem xét nhân văn để giáo hoá cho toàn thiên hạ"(2, tr.173).

Thuật ngữ **nhân văn** trong bài viết này được sử dụng với ba cơ sở khoa học:

Thứ nhất, các khái niệm trong lịch sử có sự chuyển dịch từ truyền thống đến hiện đại.

Thứ hai, nhân văn là hệ tư tưởng bắt đầu từ thời Phục hưng với nghĩa cơ bản là sự đánh giá con người trong tư cách một chủ thể văn hoá.

Thứ ba, khái niệm nhân đạo được tách ra khỏi nhân văn nhằm biểu hiện phẩm chất con người với tư cách một chủ thể nhân ái.

Còn khái niệm *nhân bản*, khái niệm này nhằm xem xét bản chất con người trên bình diện triết học.

Khái niệm *nhân bản* thuộc quan điểm của chủ nghĩa duy vật trước Marx. Các nhà triết học của trường phái này coi bản chất con người có nguồn gốc từ tự nhiên. Để chống lại quan niệm duy tâm về con người (tức là chống lại sự tách rời giữa tâm và vật), các nhà triết học nhân bản lại đồng nhất con người với tự nhiên, coi bản chất con người là có tính sinh học. Đại biểu lớn nhất của chủ nghĩa nhân bản là L.Fuerbach và Tsécunsepki.

Thiếu sót cơ bản của chủ nghĩa nhân bản là còn xem xét con người một cách trừu tượng; tách rời khỏi các quan hệ xã hội. Như vậy, do bó hẹp con người trong bản chất sinh học nên chủ nghĩa nhân bản không thể tiếp cận các quy luật đích thực của xã hội. Từ đó, dễ dẫn chủ nghĩa nhân bản đến phương diện duy tâm về lịch sử.

1.3. Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa nhân văn Phục hưng

Như chúng ta đã biết, chủ nghĩa nhân văn được sinh ra trong thời kỳ Phục hưng ở châu Âu. Chủ nghĩa nhân văn - đó là đỉnh cao của những lý tưởng, lý luận, quan điểm nhằm kêu gọi, thức tỉnh và phục vụ cho lợi ích của loài người tiến bộ, đặc biệt là những người lao động, để giúp con người tự khẳng định những giá trị cao đẹp, tài năng và nhân phẩm của bản thân. Với mục đích cao cả ấy, chủ nghĩa nhân văn thời Phục hưng đã tập hợp được lực lượng hùng hậu với những con người tài giỏi, tâm huyết và xây dựng nên một hệ thống lý luận phong phú, đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn. Từ

những cơ sở thực tiễn và lý luận ấy, nội dung chính của chủ nghĩa nhân văn Phục hưng gồm:

1. *Thế giới do tự nhiên sinh ra, không phải do Chúa Trời tạo nên.*
2. *Con người là sản phẩm của sự phát triển tự nhiên, chứ không phải do Chúa tạo ra từ "mẫu đất" hay cái "xương sườn cụt".*
3. *Cuộc sống không phải là nơi đày ải mà là nơi con người có thể xây hạnh phúc dưới trần thế, không phải đợi ngày mai lên thiên đàng.*
4. *Cuộc đời chứa đựng vô vàn cái đẹp mà con người là trung tâm của cái đẹp, vì thế con người phải trở thành đối tượng của nghệ thuật (3, tr.44).*

Bốn đặc trưng trên - những nội dung làm nên bản chất của chủ nghĩa nhân văn (về thế giới tự nhiên, con người, cuộc sống và vẻ đẹp của con người) - là bước đột phá mang tính cách mạng hết sức sâu sắc trong tư duy của thời đại bấy giờ. Nói cách khác, chủ nghĩa nhân văn đã đưa con người trở thành chúa tể của thế giới. Ngự trị cuộc sống là chính con người chứ không phải Chúa Trời. Để có được bước đột phá ấy, châu Âu đã phải trải qua những cuộc cách mạng to lớn. Trong số đó, nổi bật lên là cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc trong nghệ thuật.

"Sau những cuộc đấu tranh về văn hoá (...) tư tưởng ý nguyện Phục hưng với nội dung nhân văn đã đẩy lùi trung cổ, tạo điều kiện cho nghệ thuật phát triển rực rỡ. Nền nghệ thuật này trước hết dựa trên quan điểm về cái đẹp hài hòa, trong sáng đầy khát vọng hướng tới ngày mai. Cái đẹp này tiếp thu cổ đại Hy Lạp, nhưng cái đẹp của nó là hướng tới cái đẹp ngoại cỡ, không tiếp thu cái đẹp mực thước của Hy Lạp mà phát triển cái đẹp khổng lồ, nó muốn bộc lộ cái đẹp vô biên của con người công nghiệp thay thế con người nông nghiệp, lấy máy hơi nước thay thế cối xay gió"(3, tr.48).

Như vậy, chúng ta có thể thấy, chủ nghĩa nhân văn Phục hưng là cuộc cách mạng diễn ra trên lĩnh vực văn hoá và tư tưởng. Nghĩa là chủ nghĩa nhân văn đã chuẩn bị tiền đề tư tưởng, thực hiện "cuộc cách mạng" trong nhận thức để con người thực hiện cuộc cách mạng xã hội trong thực tiễn.

2. Những biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn Phục hưng trong xã hội

2.1. Sự hình thành và phát triển của văn minh công nghiệp

Chủ nghĩa nhân văn Phục hưng xuất hiện với sứ mệnh làm đảo lộn những quan niệm sống cổ lỗ và mở ra một chân trời mới cho những hy vọng mới. Như vậy, chủ nghĩa nhân văn Phục hưng phải dựa vào một hình thái kinh tế xã hội mới, nghĩa là phải dựa vào nền văn minh mới - văn minh công nghiệp.

Nói đến ảnh hưởng của một triết thuyết đối với sự phát triển con người tức là nói tới vai trò của lý luận, mở ra một triển vọng thực tiễn cho bước tiến mới của xã hội.

Đây là thời kỳ mà "dưới ảnh hưởng của sự cải tạo tư tưởng, con người phương Tây đã thoát ly hẳn khỏi "cái bầu trời âm đạm của đêm trường trung cổ" mà bước vào một đời sống mới, như được một luồng sinh khí màu nhiệm vừa thổi vào trong mạch máu, bộ mặt châu Âu bỗng trẻ trung, hồng hào lại. Châu Âu từ ấy ngày càng tiến bộ và đã có cơ vượt hẳn các dân tộc khác để làm bá chủ thế giới suốt mấy thế kỷ rông về tất cả các phương diện kinh tế - chính trị - văn hoá"(1, tr.5).

Bối cảnh lịch sử xã hội châu Âu thời kỳ Phục hưng có nhiều nét đặc thù. Đây là thời kỳ mà châu Âu thực hiện cuộc cách mạng to lớn, thay đổi về chất trong phương thức sản xuất. Nền sản xuất nhỏ manh mún, lạc hậu, năng suất thấp dưới chế độ phong kiến được thay thế bằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mang tính công nghiệp, hiện đại, năng suất lao động cao. Sự ra đời của phương thức sản xuất mới được thúc đẩy mạnh mẽ bởi nhu cầu của tầng lớp cấp tiến trong xã hội phong kiến - tầng lớp tư sản. Những lái buôn, chủ tàu, chủ xưởng, thợ thủ công... từ lâu đã tạo được một tiềm lực kinh tế khá vững trong lòng chế độ phong kiến. Khi tiềm lực kinh tế đã mạnh, họ muốn có các chính sách kinh tế, pháp luật, bộ máy nhà nước cũng như các chế tài - tức là một kiến trúc thượng tầng đồng bộ - đảm bảo cho sự phát triển ngày càng cao của họ. Mặt khác, chúng ta biết rằng, châu Âu những năm thế kỷ XV, XVI diễn ra hàng loạt các sự kiện lớn: những phát minh ra máy dệt, máy hơi nước,...; sự thành công của cách mạng tư sản Anh, Hà Lan,... đã thổi bùng lên những khát khao giải phóng con người, cụ thể là thoát khỏi sự kìm kẹp của nhà thờ với những điều luật khắt khe, vô nghĩa. Yêu cầu đặt ra là làm sao nhà nước và chúa trời, tức là vua và giáo hội phải để cho nhân dân được tự do sản xuất, giảm thiểu các loại thuế. Cao hơn, tầng lớp tư sản còn đòi có nhiều quyền lực hơn, dù đã có một vai trò nhất định trong quốc hội. Cũng cần nói thêm, để đáp ứng cuộc sống vương giả của giai cấp quý tộc và tầng lớp nhà thờ, tư sản châu Âu có những đóng góp không nhỏ, nếu không nói là phần lớn, thậm chí mang tính quyết định đối với ngân sách nhà nước. Sự xa hoa của triều đình Anh, Pháp chỉ được duy trì khi có những khoản thuế khổng lồ thu từ tư sản và nông dân.

Cùng với những nền tảng thực tiễn ấy, những tiền đề về tư tưởng văn hoá, khoa học kỹ thuật cũng phát triển vô cùng mạnh mẽ. Sự phát triển của những thành tựu ấy chủ yếu bắt nguồn từ nhu cầu nhận thức để có căn cứ phản kháng lại sự chuyên chế của giáo hội. Mặt khác, những phát kiến địa lý, những phát minh về kỹ thuật, năng lượng đã làm sáng lên tinh thần đổi

mới trong lòng xã hội châu Âu. Một phần rất quan trọng của những công trình xã hội ấy có nền tảng từ việc trở lại và làm hưng khởi những giá trị vốn có từ thời Hy Lạp và La Mã cổ đại. "Nói đến các tiền đề nhận thức của triết học châu Âu thời kỳ này, trước tiên, phải đề cập đến những thành tựu về tư tưởng và văn hoá cổ đại nói chung và văn hoá Hy Lạp nói riêng. Các phát kiến khoa học của nhân loại thời cổ như toán học của Talét, Pitago, hình học của Oclit, vật lý của Acsimet,... được khôi phục lại sau đêm trường trung cổ. Nếu như thời trung cổ người ta đã Cơ đốc hoá, xuyên tạc các tư tưởng vĩ đại của Aritstote, Platon,... thì sang thời Phục hưng và cận đại, những tư tưởng đó được những nhà triết học thời kỳ này kế thừa và phát triển... Ý nghĩa của những giá trị tư tưởng, văn hoá Hy Lạp, La Mã cổ đại đối với xã hội Tây Âu thời kỳ này lớn tới mức người ta gọi giai đoạn lịch sử từ cuối thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XVI là thời kỳ Phục hưng "(4, tr.243)

Chúng ta thấy những giá trị có được từ thời cổ đại có những ý nghĩa to lớn: *một mặt*, chúng có cơ sở từ việc quan sát, nghiên cứu tự nhiên, phản ánh những quy luật của tự nhiên, nó mang tính vĩnh cửu; *mặt khác*, những định đề của Talet, Pitago, ... trở nên đặc dụng trong những đổi thay to lớn của xã hội. Những công trình kiến trúc, những áng sử thi, những giá trị văn hoá với tinh thần quật khởi và anh hùng được sống lại và mang những sinh khí mới sau giấc ngủ dài suốt nghìn năm của châu Âu trung cổ. Lúc này, người châu Âu khao khát sống một cuộc sống mãnh liệt. Họ mạnh mẽ đòi vút bỏ cái trầm mặc yếu đuối cũng như sự lặng lẽ đến u uất của những cánh cửa nhà thờ. Họ không muốn phải chờ đến khi chết đi rồi mới được lên thiên đường với Chúa. Một thiên đường xa tít tắp không biết có dành cho họ hay không ? Họ đoàn kết và quyết tâm làm nên một thiên đường thật sự nơi trần thế - nơi mà vợ con, anh em, bạn bè của họ đang sống. Họ muốn tình yêu của họ được công khai và tự do. Họ muốn cây trái, sản phẩm của họ làm ra, sau khi đã đóng góp phần nghĩa vụ công dân, phải thuộc về họ, là của họ và nó phải là phần lớn, phần nhiều, phần cơ bản, chứ không phải nộp cho ông chúa đất, ông vua nào xa lắc xa lơ cả. Sau những hồi chuông dài thê thiết suốt thời trung cổ nghìn năm, ánh bình minh của xã hội mới cùng những cơn gió mát lành của thời đại thổi đến làm bừng lên sinh khí mới trên khắp châu Âu.

Sau cả ngàn năm đọc kinh cầu Chúa, sau giấc ngủ dài suốt thời kỳ trung cổ, người dân châu Âu trở dậy vươn mình trong ánh bình minh của nền văn minh công nghiệp. Trong suốt thời kỳ phong kiến, các thương nhân, thợ thủ công châu Âu dù có khéo tay đến mấy, giỏi nghề đến đâu thì sản phẩm làm ra sau khi trừ thuế nộp cho nhà nước, chỉ còn đủ ăn là may lắm. Phương thức sản xuất phong kiến với năng suất lao động thấp và trình độ

sản xuất hạn chế đã cản trở rất lớn sức sản xuất của xã hội. Bầu trời tươi đẹp mà không có tự do. Những vụ mùa bội thu mà cửa nhà sa sút. Các lãnh chúa quyền lực vô biên, của cải không biết cơ man nào mà kể, chỉ sống để thu thuế, hưởng thụ sự giàu sang; khi cần thì tổ chức chiến tranh để thoả mãn lòng tham hay những lợi ích cá nhân đầy tính vị kỷ. Sau những trận chiến, vinh quang thuộc về quý tộc, tướng lĩnh và những người chỉ huy, còn mất mát hy sinh thì dân đen đưa mình hứng chịu. Những cuộc khởi nghĩa của nô lệ dưới sự lãnh đạo của giai cấp quý tộc làm nên các vương triều phong kiến. Nhưng cả ngàn năm, giai cấp quý tộc phong kiến châu Âu cầu kinh, chỉ huy, hầu như sống để thu thuế rồi ăn chơi trong sự xa hoa; còn dân nghèo - lực lượng cơ bản làm nên những vương triều ấy bằng sự chiến đấu, hy sinh - có cuộc sống ra sao thì không ai quan tâm đến.

Những năm của thế kỷ XIV, XV, những bộ óc đầy tính trí tuệ và đôi tay khéo léo của Jame Hagrever và Jame Watt đã mở ra một cách nhìn mới, một hướng đi mới cho châu Âu. Những chiếc máy dệt đã thay thế chiếc xa kéo sợi. Những chiếc máy hơi nước đã thay thế cối xay gió và đem lại cho con người biết bao nhiêu lợi ích. Với sự ra đời của máy móc, gia súc chỉ còn được nuôi để mang lại nguồn thực phẩm cho con người chứ không còn phải cày kéo. Những con tàu ra khơi vào lộng trên sóng Đại Tây Dương hay biển Địa Trung Hải không còn phải dùng sức của nô lệ mà bằng những cỗ máy hàng nghìn sức ngựa. Những công xưởng dệt ra đời khiến hàng trăm ngàn cái xa kéo sợi thành đống cỏ hoặc gỗ mục. Sự ra đời của máy hơi nước đã thực sự mang lại một nền văn minh tươi sáng và mới mẻ cho châu Âu.

"Bắt đầu từ thế kỷ XV ở Tây Âu, chế độ phong kiến với nền sản xuất nhỏ và các đạo luật hà khắc Trung cổ bước vào thời kỳ tan rã (...) thay thế cho nền kinh tế tự nhiên kém phát triển là những công trường thủ công đem lại năng suất lao động cao hơn (...) Việc sáng chế ra máy tự kéo sợi (...) đã làm cho công nghiệp dệt (...) đặc biệt phát triển, nhất là ở Anh. Sự khám phá và chế tạo hàng loạt đồng hồ cơ học đã giúp cho con người thời kỳ này sản xuất có kế hoạch, tiết kiệm thời gian và tăng năng suất lao động"(4, tr.241).

"Đồng thời với sự phát triển của sản xuất và thương nghiệp, trong xã hội Tây Âu thời kỳ này, sự phân hoá giai cấp ngày càng rõ rệt. Tầng lớp tư sản xuất hiện... vai trò và vị trí của họ trong nền kinh tế và xã hội ngày càng lớn"(4, tr.242).

Không còn là những thợ thủ công hay thương nhân phải ăn nhờ ở đậu tại các thành bang như thời cổ đại. Không còn bị phong kiến và tầng lớp miệt thị như ở thời phong kiến. Lúc này thương nhân, thợ thủ công, tiểu tư sản trí

thức đã thực sự vươn lên, tự khẳng định chính mình. Trí tuệ và tiềm lực của giai cấp tư sản đã làm nên uy tín và giá trị riêng cho họ. Họ không còn phải lép mình nộp thuế, chịu sự "đay bảo" của những "đáng bề trên". Trái lại, với những đóng góp nhất định cho ngân sách nhà nước, giai cấp tư sản châu Âu bắt đầu bước vào chính trường. Các triều đình Anh, Pháp dần dần phải thoả hiệp với tư sản để đảm bảo có được những nguồn tài chính duy trì cuộc sống xa hoa. Vương triều Bourbon (Buốc – bông) của nước Pháp ăn chơi xa xỉ, ngân sách bội chi, thâm hụt nặng nề khiến Vua và Hoàng gia phải im hơi lặng tiếng, nhắm mắt làm ngơ để Quốc hội - với phần lớn đại biểu là giai cấp tư sản - quyết định việc triều chính. Italia - nơi từng ngự trị của Julius Cesar, nơi đế chế La Mã một thời dọc ngang lừng lẫy thì cũng đồng thời là một trong những nơi đầu tiên trên thế giới sinh ra cuộc cách mạng tư sản, thức tỉnh toàn châu Âu ngắm nhìn mặt trời tự do, vươn lên giành lấy thiên đường nơi trần thế. Sự bùng sinh mở ra và nền văn minh chính thức bắt đầu.

"Cùng với nhiều biến cố lịch sử khác, những sự kiện trên cho thấy, bước sang thời kỳ Phục hưng và cận đại, sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở thành một xu thế lịch sử không gì có thể ngăn cản nổi. Sự quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản là nền tảng thực tiễn xã hội của triết học Tây Âu thời Phục hưng và cận đại"(4, tr.243).

Trong không khí tung bùng của giai đoạn hồi sinh, người châu Âu tràn đầy khí thế đứng lên giành tự do. Với sự xuất hiện của máy móc, một phương thức sản xuất hoàn toàn mới đã ra đời. Sức người được giải phóng. Sự điều khiển bằng máy móc, việc sử dụng năng lượng mới, cách nghĩ cách làm thay đổi hoàn toàn dẫn đến sự phát triển chóng mặt của năng suất lao động. Những chiếc tàu thủy hơi nước và những đoàn tàu hỏa lăn bánh trên đường ray đã biến châu Âu và nhất là nước Anh trở thành công xưởng của thế giới. Với trí tuệ và hàng loạt những phát minh, người ta sẵn sàng *làm bất cứ thứ gì và có khả năng làm bất cứ thứ gì* nếu người ta muốn. Hiệu quả kinh tế được đặt lên hàng đầu. Thông thương buôn bán là số một. Lợi nhuận kinh doanh là trên hết. Những cơ sở ấy khiến người ta nghĩ đến những điều xa xôi, to lớn và hoàn toàn có thật. Những ước muốn ấy người ta không chờ đến ngày mai khi không còn sự sống nữa hay lúc được lên thiên đường; mà người ta quyết tâm làm ngay lúc ấy, cho cuộc sống lúc bấy giờ và được hiện thực hoá nơi trần thế. Những thiên thần, Đức Mẹ hay các thánh phải là những thiếu nữ, em bé, phụ nữ, đàn ông khoẻ mạnh, sáng tươi và quyến rũ! Vẻ đẹp ấy không nên ở mãi trong Kinh thánh, nhà thờ mà phải biểu lộ ở trong cuộc sống trần tục này. Vẻ đẹp ấy phải có hương thơm, trắng trẻo, khoẻ mạnh! Phải ăn, ngủ, cảm nhận, xúc giác được! Phải là thứ mắt nhìn, tai nghe, tay chạm, chân đi đến được. Hạnh phúc, tự do, thiên đường, vườn địa

đàng phải là sung sướng, chạy nhảy, no nê, thơm ngát, giàu có, ngất ngây và thoải mái! Người ta nhớ đến Chúa sau những vụ mùa bội thu hay những chuyến tàu buôn dài ngày trên biển. Người ta cầu Chúa khi muốn những cỗ máy mới được xuất hiện và có thêm những tính năng mới. Tức là lúc ấy Chúa có vai trò giúp người ta thư giãn, làm cho người ta nghĩ ra và làm được thêm nhiều những cái mới mà thôi. F.Engels đã chỉ ra một đặc điểm rất quan trọng của thời đại:

"Đó là một thời đại cần có những con người không lờ và đã sinh ra những con người không lờ. Không lờ về năng lực suy nghĩ, về nhiệt tình và tính cách, không lờ về mặt có lăm tài, lăm nghề và về mặt học thức sâu rộng."(5, tr.459-460).

2.2. Tâm thế thời đại

Trước hết, cần đặt vấn đề: khi nghiên cứu những bước chuyển của thời đại, người ta hay đặt vấn đề nghiên cứu hạ tầng cơ sở, sau đó là thượng tầng kiến trúc. Trong thượng tầng kiến trúc, người ta chủ yếu hướng vào những biến động của tư tưởng, nghĩa là của triết học, chính trị, đạo đức, cũng có khi những nhà nghiên cứu chú ý đến tâm lý, tâm trạng của con người. Ở đây vẫn là chú ý đến cái đã bộc lộ ra, có thể quan sát, phân tích được. Còn những vấn đề thuộc khát vọng bên trong của con người thì chưa được chú ý lắm.

Như vậy, vấn đề tâm thế - vấn đề thuộc xu hướng, thuộc tiềm năng sâu thẳm của con người vẫn còn bị bỏ ngỏ.

Phải giải quyết nội dung: *Tâm thế là gì?* Trước hết, khi xác định khái niệm "Tâm thế", PGS.TSKH Đỗ Văn Khang đã có quan điểm rất rõ ràng: *"Tâm thế là xu thế hướng thượng bên trong của chủ thể. Xu thế này giúp con người tạo thành khát vọng, thổi lên thành luồng gió mới của thời đại, làm thời đại biến chuyển mà không gì cưỡng lại được".* Mỗi con người có một tâm thế, cả dân tộc và cả thời đại cùng muốn hướng đến cái tối thượng bên trong của dân tộc mình và của cả nhân loại. Với nền tảng ấy, chúng ta đi tới cách hiểu khoa học về khái niệm "Tâm thế thời đại": ***"Tâm thế thời đại là khát vọng hướng tới sự hoàn thiện cao cả, được hợp thành từ những cộng đồng người trong một thời đại lịch sử có chung ước vọng hướng đến cái vĩ đại của dân tộc mình và của cả nhân loại"***. Thí dụ: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" là tâm thế của người Việt Nam thời chống Pháp, chống Mỹ và cũng là của các dân tộc bị áp bức. *Tâm thế hướng đến tự do, hòa bình, dân chủ là tâm thế của nhân loại hiện nay. Tâm thế chính là nguyện vọng lớn của thời đại mà không một thế lực nào ngăn cản nổi.*

Với những đổi thay về tinh thần và tư duy trong bối cảnh xã hội mới, con người thời Phục hưng được bộc lộ những khả năng của mình, họ được sống với tất cả những năng lực và tình cảm của mình. Chủ nghĩa nhân văn - học thuyết, lý luận khẳng định rằng mọi giá trị tinh thần và vật chất được sản sinh ra trong xã hội loài người đều vì con người - được khẳng định, phát huy với những thành quả to lớn, để lại những dấu ấn đậm nét trong kho tàng văn hoá nhân loại.

Những thành tựu tư tưởng nhân văn từ nguyên thủy đến Phục hưng đã phát triển thành chủ nghĩa nhân văn với ba tiêu chí:

Thứ nhất, chủ nghĩa nhân văn là học thuyết thể hiện khuynh hướng tư tưởng đề cao giá trị con người.

Thứ hai, khuynh hướng này đã được tạo dựng thành hệ thống.

Thứ ba, hệ thống này dựa vào phương pháp duy vật trên nền lịch sử mà xây dựng thành một chỉnh thể.

Trong không khí hừng hực của sự bùng sinh, châu Âu vươn mình với những cơ bắp rắn chắc của những cuộc cách mạng và trí tuệ con người. Châu Âu thời Phục hưng là giai đoạn mà con người khát khao vươn lên đạt đến những giá trị to lớn, mạnh mẽ và vĩnh hằng. Sự sôi nổi, không khí đua tranh tìm tòi cái mới, tinh thần khát khao chân lý ngự trị trong tâm trí con người. Tâm thế ấy là tâm thế hướng tới tìm tòi để con người đi đến tự do - tức là để thoát khỏi vòng kiềm toả, kìm kẹp của nhà thờ Thiên chúa giáo bấy lâu bưng bít tri thức con người. Lúc này một không khí bao trùm châu Âu là có đọc hay nguyện cầu Thiên Chúa thì cũng phải tìm ra xem trong những lời cầu nguyện ấy có điều gì đáp ứng cho hiểu biết, cơn áo của con người hay không? Người ta băn khoăn "con người xưa nay vẫn là một hiện tượng bí mật khó hiểu. Sóng, thác, rui, may, cực khổ hay sung sướng là những vấn đề đặt ra đã có mấy ngàn năm nay mà giờ đây vẫn chưa hề có một câu trả lời dứt khoát. Sự sống đã nêu ra bao nhiêu câu hỏi về nguồn gốc, về cứu cánh, về ý nghĩa, về mục đích, về vận mạng (...) ai là người đã giải quyết được bấy nhiêu điều thắc mắc của tâm hồn?"(1, tr.7-8).

Và khi những lời cầu nguyện đã thê thiết suốt bao đêm dài, sau bao buổi cầu kinh mà vẫn chẳng thấy Thượng đế đến cứu rỗi, trong khi vợ con nheo nhóc, cuộc sống bần hàn, khổ cực,... thì người ta phải đứng lên. Lúc này, người ta nhận thức rằng một con